

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2022
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Công Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Danh Hiếu; bà Trần Thị Kim Duyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Trường Bảo Vy, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Trần Vũ L, sinh năm 1999; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1998; (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày: qua tìm hiểu, anh và chị Nguyễn Thị Ngọc L tiến đến hôn nhân từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G năm 2019. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường cãi nhau và đã sống ly thân hơn 01 năm. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: có hai người con chung tên Trần Hoàng N, sinh ngày 17/11/2017 và Trần Thanh X, sinh ngày 22/7/2019. Khi ly hôn anh L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu N, chị L nuôi cháu X và không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh L, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Anh Trần Vũ L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và có văn bản thay đổi yêu cầu về con chung, anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi hai con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh L được ly hôn với chị L; Về con chung chị L được quyền tiếp tục nuôi hai con chung, anh L không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì anh L chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Trần Vũ L khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc L có nơi cư trú ấp Ô, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị Nguyễn Thị Ngọc L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, anh L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trần Vũ L tiến đến hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh L và chị L sống chung từ năm 2016. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường cãi nhau và đã sống ly thân hơn 01 năm. Trong quá trình giải quyết, chị L đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh

L, nhưng chị L không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của chị L đối với anh L đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2021. Xét thấy hôn nhân của anh L và chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh L xin ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: quá trình chung sống chị L và anh L có hai người con chung tên hai người con chung tên Trần Hoàng N, sinh ngày 17/11/2017 và Trần Thanh X, sinh ngày 22/7/2019.

Xét thấy, hiện nay cháu N và cháu X đang do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu X dưới 36 tháng tuổi, anh L tự nguyện để hai con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị L vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Vì vậy, để hai con chung phát triển ổn định, toàn diện thì việc để cháu N và cháu X cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, nên yêu cầu của anh L về con chung được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị L là người trực tiếp nuôi con, nhưng vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Anh L xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Anh L xác định không có, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị L và anh L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Trần Vũ L phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Vũ L.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Vũ L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc L.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung tên Trần Hoàng N, sinh ngày 17/11/2017 và Trần Thanh X, sinh ngày 22/7/2019. Anh Trần Vũ L chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Vũ L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0006719 ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, anh L đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- UBND xã T, thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Triều